

Số: **581/QĐ-ĐHCN**

Hà Nội, ngày **16** tháng **5** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2016

**CHỦ TỊCH HĐQTS ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2016
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ năm 2016;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2016, ngày 07&08 tháng 5 năm 2016;

Xét đề nghị của ông Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2016 của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, gồm 155 thí sinh. (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Các Ông (Bà) Giám đốc Trung tâm đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và thí sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, SDH.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Trần Đức Quý

BIỂU SỐ 07/SĐH

Đợt 1 năm 2016 Ngày thi 07-08/5/2016

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú
1	H01.1	Khuất Mạnh	Cường	09/12/85		Phú Thọ	Huyện Thanh Thủy	50,00	7,50	5,75	13.25	
2	H01.2	Nguyễn Anh	Dũng	30/05/93		Phú Thọ	Huyện Lâm Thao	50,00	6,50	6,00	12.50	
3	H01.3	Nguyễn Đình	Dũng	30/06/91		Hải Dương	Huyện Nam Sách	51,00	5,00	5,00	10.00	
4	H01.4	Nguyễn Văn	Đạt	04/03/89		Hà Nội	Huyện Mỹ Đức	51,00	5,00	5,00	10.00	
5	H01.5	Đào Thị	Hải	24/09/81	Nữ	Vĩnh Phúc	Thị xã Phúc Yên	51,00	5,00	5,00	10.00	
6	H01.6	Vũ Xuân	Quyết	07/07/89		Thái Nguyên	Huyện Phổ Yên	52,00	6,00	6,25	12.25	
7	H01.7	Nguyễn Văn	Vĩnh	22/01/93		Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	42,00	7,50	5,00	12.50	
8	H03.8	Hoàng Xuân	Anh	23/01/89		Bắc Giang	Huyện Lạng Giang	64,00	7,50	5,50	13.00	
9	H03.9	Trần Văn	Bốn	04/06/83		Hưng Yên	Huyện Yên Mỹ	65,00	6,00	6,25	12.25	
10	H03.10	Nguyễn Ngọc	Hiếu	13/09/85		Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	27,00	6,50	5,25	11.75	
11	H03.11	Nguyễn Việt	Hoàng	25/09/90		Bắc Giang	Huyện Việt Yên	51,00	5,50	5,75	11.25	
12	H03.12	Trần Vũ	Linh	30/05/90		Nam Định	Huyện Vụ Bản	56,00	5,50	5,00	10.50	
13	H03.13	Trương Đăng	Lưu	09/06/85		Hoà Bình	Huyện Lương Sơn	50,00	5,50	5,00	10.50	
14	H03.14	Nguyễn Hữu	Mạnh	19/02/86		Hà Nội	Huyện Quốc Oai	51,00	5,25	5,50	10.75	
15	H03.15	Bùi Văn	Phương	15/04/87		Hải Dương	Huyện Kinh Môn	50,00	6,75	5,25	12.00	
16	H03.16	Nguyễn Anh	Tuấn	10/10/87		Hà Nội	Huyện Ba Vì	0,00	6,75	5,50	12.25	Miễn NN
17	H05.18	Đoàn Cát	Công	30/05/87		Hà Nội	Quận Thanh Xuân	74,00	6,50	7,25	13.75	
18	H05.19	Vũ Thị	Hạnh	22/09/80	Nữ	Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	75,00	5,75	8,50	14.25	
19	H05.20	Đoàn Quốc	Hương	05/08/71		Bắc Cạn	Thị xã Bắc Kạn	83,00	6,75	8,50	15.25	ƯT KV
20	H05.21	Cao Hồng	Long	22/02/88		Hà Nội	Quận Hà Đông	64,00	5,00	7,25	12.25	
21	H05.22	Nguyễn Hữu	Long	04/06/77		Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	62,00	5,50	8,50	14.00	
22	H05.23	Nguyễn Xuân	Lực	17/12/92		Hà Nội	Huyện Phúc Thọ	58,00	5,50	5,25	10.75	
23	H05.24	Lê Ngọc	Minh	03/11/84		Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn	94,00	6,25	8,00	14.25	ƯT KV
24	H05.25	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	26/03/83		Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	60,00	5,00	7,75	12.75	
25	H05.26	Nguyễn Văn	Quang	19/01/82		Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	63,00	5,25	8,00	13.25	
26	H07.27	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	16/11/82	Nữ	Hà Nội	Huyện Đan Phượng	61,00	6,25	5,75	12.00	

BIỂU SỐ 07/SĐH

Đợt 1 năm 2016 Ngày thi 07-08/5/2016

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú
27	H07.28	Vũ Thị	Anh	23/03/93	Nữ	Hải Dương	Huyện Cẩm Giàng	60,00	7,75	6,00	13.75	
28	H07.29	Nguyễn Tuấn	Anh	24/12/82		Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	0,00	8,75	6,00	14.75	Miễn NN
29	H07.30	Vũ Thị Ngọc	ánh	17/09/90	Nữ	Hà Nội	Huyện Phúc Thọ	77,00	8,50	6,00	14.50	
30	H07.31	Nguyễn Ngọc	ánh	29/07/92	Nữ	Hà Nội	Huyện Thanh Oai	67,00	5,50	6,00	11.50	
31	H07.32	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	03/10/86	Nữ	Hà Nội	Huyện Phúc Thọ	81,00	9,25	9,25	18.50	
32	H07.33	Nguyễn Văn	Chỉnh	08/07/81		Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	59,00	7,50	8,25	15.75	
33	H07.34	Nguyễn Thành	Công	22/01/86		Hà Nội	Thị xã Sơn Tây	58,00	7,50	8,00	15.50	
34	H07.35	Nguyễn Văn	Cường	25/06/80		Bắc Ninh	Huyện Quế Võ	51,00	7,50	4,50	12.00	
35	H07.37	Lê Thùy	Dung	06/11/86	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	76,00	7,00	7,75	14.75	
36	H07.38	Lò Thị	Dung	13/05/82	Nữ	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	69,00	5,75	3,50	9.25	
37	H07.39	Ngô Tiến	Duy	09/01/81		Hà Nội	Quận Cầu Giấy	62,00	5,50	7,75	13.25	
38	H07.40	Phan Thị	Duyên	02/05/90	Nữ	Thái Bình	Huyện Thái Thụy	66,00	7,00	9,75	16.75	
39	H07.41	Nguyễn Văn	Dũng	26/10/72		Hà Nội	Huyện Hoài Đức	61,00	8,50	9,25	17.75	ƯT KV
40	H07.42	Đỗ Văn	Giang	14/04/81	Nữ	Hà Nội	Huyện Ba Vì	69,00	7,25	9,00	16.25	
41	H07.43	Nghiêm Thị	Gion	22/03/74	Nữ	Hà Nội	Huyện Thanh Trì	78,00	9,25	6,75	16.00	
42	H07.44	Trịnh Thị	Hà	15/07/82	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	83,00	9,25	9,00	18.25	
43	H07.45	Tạ Thị Thu	Hà	29/11/88	Nữ	Hà Nội	Huyện Ba Vì	71,00	8,75	8,75	17.50	
44	H07.46	Phạm Thị	Hải	24/07/87	Nữ	Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	60,00	8,25	7,50	15.75	
45	H07.47	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/12/90	Nữ	Phú Thọ	Huyện Thanh Ba	64,00	6,00	5,00	11.00	
46	H07.48	Phạm Thị Thúy	Hằng	13/02/82	Nữ	Hà Nội	Huyện Ba Vì	75,00	9,50	9,00	18.50	
47	H07.49	Sái Việt	Hiếu	17/08/93		Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	64,00	7,25	5,00	12.25	
48	H07.50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	11/07/87	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	75,00	9,00	5,00	14.00	
49	H07.52	Nguyễn Thị	Huyền	21/03/89	Nữ	Bắc Ninh	Huyện Quế Võ	39,00	5,00	7,75	12.75	
50	H07.53	Đào Thị	Huyền	04/07/94	Nữ	Bắc Giang	Huyện Tân Yên	72,00	9,25	8,75	18.00	
51	H07.55	Lê Thị Mai	Hương	08/12/86	Nữ	Hà Nội	Huyện Đan Phượng	68,00	6,25	8,50	14.75	
52	H07.56	Đặng Thị	Hương	14/01/89	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	67,00	5,00	8,25	13.25	

BIỂU SỐ 07/SĐH

Đợt 1 năm 2016 Ngày thi 07-08/5/2016

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú
53	H07.57	Hữu Thị Lan	Hương	15/10/87	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	61,00	5,00	7,00	12,00	
54	H07.58	Kiều Thị	Hương	11/08/85	Nữ	Hà Nội	Thị xã Sơn Tây	56,00	2,50	7,25	9,75	
55	H07.59	Nguyễn Thị Lan	Hương	14/09/79	Nữ	Hà Nội	Quận Thanh Xuân	0,00	5,25	7,00	12,25	Miễn NN
56	H07.60	Hoàng Thị	Hường	20/08/93	Nữ	Hà Nội	Huyện Ba Vì	57,00	7,00	8,00	15,00	
57	H07.61	Thái Thị Thu	Hường	08/01/87	Nữ	Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	58,00	9,25	8,50	17,75	
58	H07.62	Lý Thị Hương	Lam	22/09/82	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	73,00	6,75	8,50	15,25	
59	H07.63	Nguyễn Thị Hương	Lan	18/11/82	Nữ	Hà Nội	Quận Đống Đa	68,00	7,50	8,50	16,00	
60	H07.64	Nguyễn Thị Phương	Lan	20/10/78	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	55,00	5,75	6,50	12,25	
61	H07.65	Tạ Thị Tuyết	Lan	08/01/69	Nữ	Hà Nội	Thị xã Sơn Tây	50,00	6,25	7,00	13,25	
62	H07.66	Vũ Hoàng	Lan	05/11/79	Nữ	Thái Nguyên	Thành phố Sông Công	0,00	9,50	9,00	18,50	Miễn NN
63	H07.67	Lương Cát	Lâm	03/03/91		Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn	68,00	6,50	8,25	14,75	
64	H07.68	Hoàng Thị	Liên	26/03/77	Nữ	Phú Thọ	Huyện Lâm Thao	76,00	7,75	7,00	14,75	ƯT KV
65	H07.69	Đào Khánh	Linh	12/12/83	Nữ	Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	55,00	6,25	6,75	13,00	
66	H07.70	Thái Thị	Loan	10/07/90	Nữ	Quảng Ninh	Huyện Đông Triều	65,00	7,00	7,25	14,25	
67	H07.71	Hoàng Thị	Lương	23/07/93	Nữ	Hải Dương	Huyện Kim Thành	56,00	8,50	7,25	15,75	
68	H07.72	Trần Thị Hiền	Lương	28/11/80	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	62,00	7,00	5,25	12,25	
69	H07.73	Trần Thị	Lương	11/06/84	Nữ	Hà Nội	Huyện Đan Phượng	61,00	6,50	5,00	11,50	
70	H07.74	Nguyễn Thị Hồng	Minh	05/10/73	Nữ	Hà Nội	Quận Hà Đông	63,00	5,75	6,50	12,25	
71	H07.75	Trần Thị	Ngát	10/06/84	Nữ	Ninh Bình	Huyện Yên Mô	72,00	8,50	4,25	12,75	
72	H07.76	Phạm Thị Hồng	Ngọc	30/10/94	Nữ	Lào Cai	Thành phố Lào Cai	0,00	5,50	5,50	11,00	Miễn NN
73	H07.77	Chử Thị Minh	Nguyệt	14/02/86	Nữ	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	65,00	8,25	6,25	14,50	
74	H07.78	Cao Thị	Nhiên	07/07/81	Nữ	Hà Nội	Quận Hà Đông	0,00	9,25	8,75	18,00	Miễn NN
75	H07.79	Hà Thị	Nhung	21/10/86	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	63,00	7,50	4,25	11,75	
76	H07.80	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/11/93	Nữ	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	60,00	5,50	7,00	12,50	
77	H07.81	Đỗ Thị Kim	Oanh	24/03/84	Nữ	Hà Nội	Huyện Thạch Thất	75,00	7,00	5,50	12,50	
78	H07.83	Phan Thu	Phương	02/12/85	Nữ	Hà Nội	Thị xã Sơn Tây	66,00	7,50	4,00	11,50	

BIỂU SỐ 07/SĐH

Đợt 1 năm 2016 Ngày thi 07-08/5/2016

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú
79	H07.84	Nguyễn Diệu Linh	Phượng	14/02/92	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	67,00	8,00	4,25	12.25	
80	H07.85	Nguyễn Thị	Phượng	25/11/80	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	31,00	2,75	4,00	6.75	
81	H07.86	Phí Hải	Quân	23/04/77		Hà Nội	Huyện Thạch Thất	50,00	7,50	5,00	12.50	
82	H07.87	Nguyễn Hữu	Quy	29/05/72		Hà Nội	Huyện Đan Phượng	31,00	8,00	7,00	15.00	
83	H07.88	Nguyễn Thị	Sa	02/08/89	Nữ	Phú Thọ	Huyện Lâm Thao	50,00	8,00	6,50	14.50	
84	H07.89	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/11/89	Nữ	Phú Thọ	Huyện Phù Ninh	50,00	8,25	6,75	15.00	
85	H07.90	Đỗ Thị	Thu	03/03/84	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	50,00	8,25	6,25	14.50	
86	H07.91	Nguyễn Thị	Thuyên	02/04/86	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	50,00	5,00	5,25	10.25	
87	H07.92	Đặng Thị Huyền	Trang	17/04/83	Nữ	Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	77,00	5,75	8,00	13.75	
88	H07.93	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/11/83	Nữ	Hà Nội	Quận Hoàng Mai	70,00	9,25	9,75	19.00	
89	H07.94	Lê Thu	Trang	02/10/88	Nữ	Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	58,00	8,75	6,75	15.50	
90	H07.95	Nguyễn Công Thị Đoan	Trang	03/05/88	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	71,00	8,50	8,50	17.00	
91	H07.96	Đỗ Thu	Hằng	24/08/89	Nữ	Hà Nội	Huyện Ba Vì	80,00	9,00	8,50	17.50	
92	H07.97	Nguyễn Văn	Trung	18/12/89		Hà Nội	Huyện ứng Hoà	24,00	3,75	0,00	3.75	
93	H07.98	Nguyễn Anh	Tuấn	28/09/81		Hà Nội	Huyện Đông Anh	0,00	8,00	8,75	16.75	Miễn NN
94	H07.99	Nguyễn Thị	Tuyết	11/06/86	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	66,00	5,25	7,00	12.25	
95	H07.100	Dương Thị Thanh	Tú	11/09/82	Nữ	Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	0,00	6,00	9,75	15.75	Miễn NN
96	H07.101	Nguyễn Thành	Vinh	21/09/80		Hà Nội	Quận Tây Hồ	50,00	7,50	5,50	13.00	
97	H07.102	Nguyễn Quốc	Vương	26/11/83		Thái Bình	Huyện Hưng Hà	50,00	7,25	7,00	14.25	
98	H07.103	Nguyễn Thị	Xoan	13/03/84	Nữ	Hà Nội	Huyện Phúc Thọ	62,00	8,50	8,75	17.25	
99	H07.104	Nguyễn Thị Hoài	Xuyên	29/07/89	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	84,00	5,25	9,75	15.00	
100	H09.113	Lê Tuấn	An	13/09/74		Hà Nội	Huyện Đan Phượng	54,00	7,25	6,00	13.25	
101	H09.114	Nguyễn Tuấn	Anh	27/10/84		Hà Nội	Quận Cầu Giấy	60,00	6,50	7,25	13.75	
102	H09.115	Trần Tuấn	Anh	07/02/93		Hà Nội	Huyện Hoài Đức	59,00	7,00	7,50	14.50	
103	H09.116	Nguyễn Văn	ánh	11/07/83		Nam Định	Huyện Nam Trực	68,00	8,75	8,75	17.50	
104	H09.117	Tạ Đức	Bản	05/08/85		Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	74,00	9,00	8,00	17.00	

BIỂU SỐ 07/SĐH

Đợt 1 năm 2016 Ngày thi 07-08/5/2016

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú
105	H09.118	Thạch Quốc	Bảo	31/12/79		Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	66,00	5,25	6,25	11.50	
106	H09.119	Hoàng Đức	Chiến	23/02/88		Hà Nội	Huyện Đan Phượng	0,00	7,25	9,00	16.25	Miễn NN
107	H09.120	Nguyễn Ngọc	Chung	27/04/91		Hà Nam	Huyện Thanh Liêm	75,00	7,75	8,75	16.50	
108	H09.121	Nguyễn Thị	Duyên	28/10/79	Nữ	Hà Nội	Huyện Đan Phượng	75,00	9,00	9,25	18.25	
109	H09.122	Vũ Tuấn	Đạt	29/04/86		Hà Nội	Huyện Thạch Thất	68,00	6,00	9,00	15.00	
110	H09.123	Nguyễn Kỳ	Đăng	21/12/86		Hà Nội	Huyện Thạch Thất	73,00	5,25	8,00	13.25	
111	H09.124	Nguyễn Văn	Hà	20/08/70		Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	64,00	6,50	6,00	12.50	ƯT KV
112	H09.125	Nguyễn Mạnh	Hảo	11/03/81		Hà Nội	Huyện Đan Phượng	76,00	8,75	9,00	17.75	
113	H09.126	Cần Đức	Hạnh	20/07/78		Hà Nội	Huyện Thạch Thất	65,00	7,00	6,75	13.75	
114	H09.127	Bùi Thị	Hằng	20/11/90	Nữ	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên	68,00	8,50	8,50	17.00	
115	H09.128	Nguyễn Trung	Hiếu	19/06/82		Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	60,00	6,75	6,75	13.50	
116	H09.129	Nguyễn Đình	Hiếu	10/04/89		Hà Nội	Quận Hà Đông	0,00	7,50	8,00	15.50	Miễn NN
117	H09.130	Vũ Ngọc	Hiếu	10/05/80		Hà Nội	Quận Đống Đa	68,00	9,00	8,75	17.75	
118	H09.131	Nguyễn Thị Thu	Hiên	23/12/81	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	81,00	7,25	8,25	15.50	
119	H09.132	Lý Đức	Hiên	07/11/82		Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	68,00	6,25	8,75	15.00	
120	H09.133	Phạm Đình	Hoàng	12/10/85		Hà Nội	Huyện Thường Tín	62,00	8,25	8,75	17.00	
121	H09.134	Cần Thị	Hòa	16/06/87	Nữ	Hà Nội	Huyện Quốc Oai	73,00	7,25	8,75	16.00	
122	H09.135	Nguyễn Thị	Huyền	22/08/87	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	0,00	9,00	6,75	15.75	Miễn NN
123	H09.136	Thế Thị Thanh	Huyền	07/03/81	Nữ	Hà Nội	Huyện Đan Phượng	61,00	6,75	7,50	14.25	
124	H09.137	Nguyễn Quang	Hưng	05/07/89		Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	64,00	6,50	7,50	14.00	
125	H09.138	Vương	Hưng	30/12/83		Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	35,00	5,25	5,25	10.50	
126	H09.139	Phạm Thị Thanh	Hương	17/03/79	Nữ	Hà Nội	Quận Hà Đông	76,00	8,25	6,75	15.00	
127	H09.140	Đào Đức	Khánh	03/09/76		Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	78,00	8,75	6,75	15.50	
128	H09.141	Nguyễn Ngọc	Khuê	17/04/91		Bắc Giang	Huyện Sơn Động	61,00	6,50	5,00	11.50	ƯT KV
129	H09.143	Ngô Cao	Long	04/12/84		Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	0,00	8,00	8,50	16.50	Miễn NN
130	H09.144	Nguyễn Đức	Nam	03/12/90		Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	61,00	7,75	8,75	16.50	

BIỂU SỐ 07/SĐH

Đợt 1 năm 2016 Ngày thi 07-08/5/2016

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu		Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú
131	H09.145	Nguyễn Minh	Phương	13/12/79		Hà Nội	Huyện Chương Mỹ	51,00	8,00	6,00	14,00	
132	H09.147	Lê Thúy	Quỳnh	09/10/88	Nữ	Quảng Ninh	Thị xã Quảng Yên	71,00	8,50	8,00	16,50	
133	H09.148	Nguyễn Quang	Son	22/02/82		Hà Nội	Huyện Thạch Thất	69,00	6,00	7,75	13,75	
134	H09.149	Nguyễn Trọng	Tài	03/05/82		Hà Nội	Huyện Hoài Đức	62,00	8,50	6,00	14,50	
135	H09.150	Nguyễn Thị	Thanh	11/04/83	Nữ	Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	50,00	8,75	8,25	17,00	
136	H09.151	Vũ Phương	Thảo	11/10/93	Nữ	Hà Nội	Huyện Hoài Đức	70,00	8,00	8,25	16,25	
137	H09.152	Nguyễn Phương	Thảo	23/10/92	Nữ	Yên Bái	Thành phố Yên Bái	0,00	8,50	8,25	16,75	Miễn NN & KV
138	H09.153	Nguyễn Tiến	Thắng	17/11/80		Hà Nội	Quận Đống Đa	70,00	7,00	7,00	14,00	
139	H09.154	Đồng Văn	Thoại	05/05/78		Hà Nội	Huyện Mê Linh	66,00	6,25	6,25	12,50	
140	H09.155	Trần Thị	Thu	20/05/82	Nữ	Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	81,00	8,00	6,75	14,75	
141	H09.156	Đàm Thị Thu	Thủy	04/10/83	Nữ	Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	87,00	7,50	6,00	13,50	
142	H09.157	Nguyễn Minh	Tiến	26/10/81		Hà Nội	Quận Hà Đông	67,00	7,00	7,50	14,50	
143	H09.158	Nguyễn Văn	Tĩnh	13/11/89		Hà Nội	Huyện Quốc Oai	81,00	7,00	7,50	14,50	
144	H09.159	Nguyễn Viết	Toàn	11/07/80		Hà Nội	Huyện Đan Phượng	76,00	7,00	7,25	14,25	
145	H09.160	Nguyễn Đức	Tùng	27/05/87		Hà Nội	Huyện Mê Linh	34,00	7,00	4,25	11,25	
146	H09.161	Nguyễn Trung	Tự	06/12/87		Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	60,00	8,00	7,25	15,25	
147	H09.162	Lê Thị Ngọc	Yến	30/11/91	Nữ	Thanh Hoá	Huyện Hoàng Hoá	68,00	8,00	5,75	13,75	
148	H12.105	Nguyễn Đăng	Hải	26/09/81		Hà Nội	Huyện Hoài Đức	0,00	6,25	7,00	13,25	Miễn NN
149	H12.106	Đinh Thị	Huyền	19/10/80	Nữ	Nam Định	Thành phố Nam Định	70,00	6,25	8,50	14,75	
150	H12.107	Đào Đức	Lâm	01/08/93		Phú Thọ	Thị xã Phú Thọ	67,00	6,00	5,75	11,75	
151	H12.108	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	19/08/80	Nữ	Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	76,00	7,25	6,25	13,50	
152	H12.109	Hoàng Thị	Phương	08/01/88	Nữ	Nam Định	Huyện Hải Hậu	83,00	5,25	6,00	11,25	
153	H12.110	Đinh Thị	Trang	11/08/87	Nữ	Nam Định	Huyện Hải Hậu	80,00	8,00	8,75	16,75	
154	H12.111	Vũ Tiến	Việt	29/01/80		Quảng Ninh	Thành phố Cẩm Phả	72,00	7,50	7,00	14,50	
155	H12.112	Nguyễn Đức	Vượng	19/05/68		Hà Nội	Quận Ba Đình	66,00	7,75	6,75	14,50	

Đợt 1 năm 2016 Ngày thi 07-08/5/2016

TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	Điểm TA	ĐM1	ĐM2	Đtc	Ghi chú
----	-------------	-----------	-----------	------	---------	------------	-----	-----	-----	---------

Tổng cộng: 155 thí sinh

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



*HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý